

## Phụ lục

(Kèm theo Thông báo số /TB-PTQĐ ngày tháng 8 năm 2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên lô đất theo quy hoạch	Thửa đất	Tờ ĐĐ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Giá đất cụ thể (1.000 đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
<b>A. LÔ ĐẤT Ở BIỆT THỰ</b>								
Lô đất ký hiệu từ OM 2.12, có hướng Tây Nam, đường rộng 13m								
1	OM2.12	110	45	396,0	ONT	15.000	5.940.000	
<b>Cộng (01 lô)</b>				<b>396,0</b>			<b>5.940.000</b>	
<b>B. CÁC LÔ ĐẤT Ở PHÂN LÔ</b>								
<b>1. Khu OM6</b>								
Các lô đất ký hiệu từ OM6.22 đến OM6.24, có hướng Tây Nam, đường rộng 36m								
1	OM6.22	37	45	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
2	OM6.23	38	45	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
3	OM6.24	39	45	211,8	ONT	32.400	6.862.320	2 mặt tiền
<b>Cộng (03 lô)</b>				<b>547,8</b>			<b>15.934.320</b>	
<b>2. Khu OM7</b>								
Các lô đất ký hiệu từ OM7.18 đến OM7.34, có hướng Tây Nam, đường rộng 36m								
1	OM7.18	40	45	267,5	ONT	32.400	8.667.000	2 mặt tiền
2	OM7.19	34	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
3	OM7.20	35	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
4	OM7.21	37	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
5	OM7.22	39	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
6	OM7.23	41	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
7	OM7.24	43	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
8	OM7.25	45	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
9	OM7.26	47	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
10	OM7.27	49	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
11	OM7.28	51	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
12	OM7.29	53	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
13	OM7.30	55	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
14	OM7.31	57	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
15	OM7.32	59	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
16	OM7.33	61	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
17	OM7.34	63	47	274,4	ONT	32.400	8.890.560	2 mặt tiền
<b>Cộng (17 lô)</b>				<b>3.061,9</b>			<b>85.597.560</b>	

TT	Tên lô đất theo quy hoạch	Thửa đất	Tờ ĐĐ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Giá đất cụ thể (1.000 đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
<b>3. Khu OM8</b>								
Các lô đất ký hiệu từ OM8.29 đến OM8.56, có hướng Tây Nam, đường rộng 36m								
1	OM8.29	66	47	299,0	ONT	32.400	9.687.600	2 mặt tiền
2	OM8.30	69	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
3	OM8.31	71	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
4	OM8.32	73	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
5	OM8.33	74	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
6	OM8.34	75	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
7	OM8.35	76	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
8	OM8.36	77	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
9	OM8.37	78	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
10	OM8.38	79	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
11	OM8.39	80	47	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
12	OM8.40	113	66	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
13	OM8.41	114	66	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
14	OM8.42	144	66	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
15	OM8.43	143	66	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
16	OM8.44	7	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
17	OM8.45	8	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
18	OM8.46	9	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
19	OM8.47	10	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
20	OM8.48	36	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
21	OM8.49	35	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
22	OM8.50	37	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
23	OM8.51	38	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
24	OM8.52	39	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
25	OM8.53	50	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
26	OM8.54	49	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
27	OM8.55	48	68	168,0	ONT	27.000	4.536.000	
28	OM8.56	51	68	348,2	ONT	32.400	11.281.680	2 mặt tiền
<b>Cộng (28 lô)</b>				<b>5.015,2</b>			<b>138.905.280</b>	
<b>4. Khu OM12</b>								
Các lô đất ký hiệu từ OM12.13, có hướng Tây Bắc, đường rộng 13m								
1	OM12.13	43	68	305,0	ONT	18.000	5.490.000	2 mặt tiền
<b>Cộng (01 lô)</b>				<b>305,0</b>			<b>5.490.000</b>	
<b>Cộng đất ở phân lô (49 lô)</b>				<b>8.929,9</b>			<b>245.927.160</b>	
<b>Tổng cộng: 50 lô</b>				<b>9.325,9</b>			<b>251.867.160</b>	